

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2024/HS-ST**
Ngày: 04-01-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Út Lê

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Huyền

Ông Hoàng Ngọc Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà La Quỳnh Anh - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Thượng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2023/TLST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Nông Văn D (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 05 tháng 6 năm 1982 tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKKHKT: Thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ở: Tiểu khu P, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nông Văn D (đã chết) và bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1941; Bị cáo có vợ là Nông Thị T4, sinh năm 1985 và 01 con, sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/8/2023, hiện đang tại ngoại tại Tiểu khu P, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1969 - Địa chỉ: Thôn N, xã Tr, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

2. Ông Doanh Đức H1, sinh năm 1982 - Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

3. Ông Doanh Thiêm H2, sinh năm 1990 - Địa chỉ: Tiểu k, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

4. Bà Hứa Thị B, sinh năm 1988 - Địa chỉ: Tổ dân phố Na, thị trấn Nb, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

5. Ông Trần Hoàng L1, sinh năm 1996 - Địa chỉ: Tiểu khu P, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

6. Bà Đinh Thị L2, sinh năm 1987 - Địa chỉ: Tiểu khu P, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

7. Bà Lương Thị H3, sinh năm 1994 - Địa chỉ: Tiểu khu P, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

8. Bà Hứa Thị Minh H4, sinh năm 1977 - Địa chỉ: Tiểu khu, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

9. Bà Nguyễn Thị H5, sinh năm 1977 - Địa chỉ: Xóm Hội Tiến, xã Bộc Nhiêu, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

10. Bà Đàm Thị T2, sinh năm 1986 - Địa chỉ: Tiểu k, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

11. Bà Phùng Thị T3, sinh năm 1986 - Địa chỉ: Tổ dân phố N1, thị trấn N2, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

12. Ông Lý Minh C, sinh năm 1981 - Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

13. Ông Hoàng Gia T3, sinh năm 1964 - Địa chỉ: Tiểu k, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

14. Bà Nông Thị T4, sinh năm 1985 - Địa chỉ: Tiểu khu P, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nông Văn D là chủ Hộ kinh doanh Cơ sở in và làm biển quảng cáo Q, được Phòng tài chính – Kế hoạch Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 13C80001004, đăng ký lần thứ nhất ngày 19/01/2015, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 04/3/2015, đăng ký thêm nội dung kinh doanh ngày 28/8/2015. Địa điểm kinh doanh: Khu P, xã V, (nay là Tiểu Khu P, thị trấn V), huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Ngành nghề kinh doanh: Sửa chữa điện thoại di động; Dịch vụ in và làm biển quảng cáo; Gia công cơ khí; Bán lẻ sơn; Bán lẻ hàng tạp hóa trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp, bán lẻ kính mắt; Bán hàng văn phòng phẩm. Vốn kinh doanh: 100.000.000 đồng. Họ và tên đại diện hộ kinh doanh là Nông Văn D, đăng ký mã số thuế và kê khai hồ sơ nộp thuế tại Chi cục thuế huyện N (nay là Chi cục thuế khu vực B- N – P).

Từ khi thành lập đến nay, D là người trực tiếp thực hiện điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng hóa, quản lý con dấu, hóa đơn của Hộ kinh doanh. Từ năm 2018 đến năm 2022 Cơ sở in và làm biển quảng cáo Q đã đăng ký mua, sử dụng 33 quyển hóa đơn bán hàng tại Chi cục thuế khu vực B - N – P. Quá trình hoạt động kinh doanh từ năm 2018 đến năm 2021, D đã bán trái phép 20 số hóa đơn bán hàng ghi nội dung nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện N có nhu cầu với giá bán bằng 10% tổng số tiền ghi trên mỗi hóa đơn. Cụ thể như sau:

1. Bán cho Hoàng Thị T1, sinh năm 1969, trú tại Thôn N, xã Tr, huyện N – Giáo viên Trường Mầm non T, huyện N, 01 số hóa đơn bán hàng:

- Tháng 02/2020 bà Hoàng Thị T1 lúc đó là Phó Hiệu trưởng phụ trách Trường mầm non T liên hệ với Nông Văn D để thi công lán nền nhà bếp, nền sân của trường nhưng D bận không làm được nên bà T1 đã giao cho Hoàng Văn P – Bảo vệ Trường mầm non T thực hiện và thỏa thuận với D mua hóa đơn của D với giá bằng 10% tổng số tiền ghi trên hóa đơn để làm thủ tục thanh quyết toán, D đồng ý. Sau đó D bán 01 hóa đơn số 0008244, ghi ngày 20/3/2020, người mua hàng Lý Thị L, tên đơn vị Trường Mầm non T, nội dung hàng hóa: Lán nền nhà bếp, lán nền sân, số tiền ghi trên hóa đơn 9.900.000 đồng. Sau khi mua được hóa đơn T1 chuyển cho Lý Thị L - Y tế kiêm văn thư, thủ quỹ của trường ký tên hóa đơn người mua hàng, hoàn thiện thủ tục thanh quyết toán và chuyển số tiền 9.900.000 đồng vào tài khoản của D. Sau khi nhận được tiền D giữ lại số tiền 990.000 đồng bằng 10% số tiền ghi trên hóa đơn, số tiền còn lại 8.910.000 đồng D chuyển vào tài khoản và Hoàng Thị T1 đã rút ra chi trả cho Hoàng Văn P.

2. Bán cho Doanh Đức H1, sinh năm 1982, trú tại Thôn N, xã T, huyện N - Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự xã V (nay là thị trấn V), huyện N 02 số hóa đơn bán hàng, cụ thể:

- Đề mua Makét, băng zon khai mạc huấn luyện dân quân tháng 4/2019, H1 mua hàng hóa với Vũ Đức N, sinh năm 1986, trú tại Tiểu khu, thị trấn V, huyện N trả bằng tiền mặt nhưng không có hóa đơn. Khi thực hiện thủ tục thanh quyết toán H1 liên hệ với Nông Văn D và thỏa thuận mua 01 số hóa đơn của D với giá bằng 10% tổng số tiền ghi trên hóa đơn để làm thủ tục thanh quyết toán, D đồng ý. Sau đó D bán 01 hóa đơn số 0042176, ghi ngày 06/9/2019, người mua hàng Doanh Đức H1, tên đơn vị Ủy ban nhân dân xã V, nội dung hàng hóa: Ma kết khai mạc huấn luyện dân quân năm 2019, Ma kết bế mạc huấn luyện dân quân năm 2019, băng zon, số tiền ghi trên hóa đơn 1.500.000 đồng. Sau khi nhận được hóa đơn, số tiền 1.500.000 đồng được chuyển vào tài khoản của D, sau đó D chuyển khoản trả lại cho H1 số tiền 1.500.000 đồng, H1 trả cho D tiền mặt 150.000 đồng bằng 10% số tiền ghi trên hóa đơn.

- Đề chuẩn bị vật chất phục vụ lễ ra quân tại huyện đội ngày 25/02/2019, Doanh Đức H1 mua hàng hóa với Hoàng Văn H, sinh năm 1983, trú tại Tiểu k, thị trấn V, huyện N trả bằng tiền mặt nhưng không có hóa đơn. Khi thực hiện thủ tục thanh quyết toán H1 liên hệ với Nông Văn D và thỏa thuận mua 01 số hóa đơn của D với giá bằng 10% tổng số tiền ghi trên hóa đơn để làm thủ tục thanh quyết toán, D

đồng ý. Sau đó D bán cho 01 hóa đơn số 0042177, ghi ngày 06/9/2019, người mua hàng Doanh Đức H1, tên đơn vị Ủy ban nhân dân xã V, nội dung hàng hóa: bia tập chiến thuật bằng tôn, bia ném lựu đạn, bia gỗ để tập bắn, số tiền ghi trên hóa đơn 3.200.000 đồng. Sau khi nhận được hóa đơn, số tiền 3.200.000 đồng được chuyển vào tài khoản của D, sau đó D chuyển khoản trả lại cho H1 số tiền 3.200.000 đồng, H1 trả cho D tiền mặt 320.000 đồng bằng 10% số tiền ghi trên hóa đơn.

3. Bán cho Doanh Thiên H2, sinh năm 1990, trú tại Tiểu k, thị trấn V, huyện N - Y tế kiêm văn thư, thủ quỹ Trường Mầm non T 02 số hóa đơn bán hàng:

- Tháng 5/2020 để có mặt bằng xây dựng một lớp học trên nền nhà kho của nhà trường theo dự án của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bắc Kạn, Ban giám hiệu nhà trường có bà Nông Thị D - Hiệu trưởng, Đinh Thanh H - Phó Hiệu trưởng thống nhất thuê ông Hà Đức H, sinh năm 1985, trú tại Khu Chợ 1, xã B, huyện N thực hiện tháo nhà kho bằng tôn di chuyển đến vị trí mới nhưng không có hóa đơn, thống nhất giao cho H2 liên hệ thỏa thuận với D mua hóa đơn của D với giá bằng 10% tổng số tiền ghi trên hóa đơn để làm thủ tục thanh quyết toán, D đồng ý. Sau đó D bán 01 hóa đơn số 0009407, ghi ngày 21/5/2020, người mua hàng Doanh Thiên H2, tên đơn vị Trường Mầm non T, nội dung hàng hóa: Công bản tôn làm nhà kho, số tiền ghi trên hóa đơn 6.750.000 đồng. Sau khi mua được hóa đơn H2 chuyển cho kế toán đơn vị làm thủ tục thanh quyết toán và chuyển số tiền 6.750.000 đồng vào tài khoản của D. Sau khi nhận được tiền D giữ lại số tiền 670.000 đồng bằng 10% số tiền ghi trên hóa đơn, số tiền còn lại 6.080.000 đồng D chuyển vào tài khoản và Nông Thị D đã rút ra chi trả cho Hà Đức H.

- Tháng 8/2020 để tháo bỏ một phần mái tôn sân chơi của học sinh phục vụ việc thi công xây dựng lớp học, bà Nông Thị D - Hiệu trưởng nhà trường liên hệ ông Hà Đức H, sinh năm 1985, trú tại Khu Chợ 1, xã B, huyện N thực hiện tháo mái tôn sân chơi, sau khi xây dựng lớp xong tiếp tục lắp lại phần mái tôn đã tháo trước đó nhưng không có hóa đơn, Ban giám hiệu nhà trường thống nhất giao cho H2 liên hệ thỏa thuận với D mua hóa đơn của D với giá bằng 10% tổng số tiền ghi trên hóa đơn để làm thủ tục thanh quyết toán, D đồng ý. Sau đó D bán 01 hóa đơn số 0093545, ghi ngày 27/10/2020, người mua hàng Doanh Thiên H2, tên đơn vị Trường Mầm non T, nội dung hàng hóa: công tháo mái tôn sân chơi, công lắp mái tôn sân chơi, số tiền ghi trên hóa đơn 4.680.000 đồng. Sau khi mua được hóa đơn H2 chuyển cho kế toán đơn vị làm thủ tục thanh quyết toán và chuyển số tiền 4.680.000 đồng vào tài khoản của D. Sau khi nhận được tiền D giữ lại số tiền 460.000 đồng bằng 10% số tiền ghi trên hóa đơn, số tiền còn lại 4.220.000 đồng D chuyển vào tài khoản và Nông Thị D đã rút ra chi trả cho Hà Đức H.

4. D bán cho Hứa Thị B, sinh năm 1988, trú tại tổ dân phố Na, thị trấn Nb, huyện N - Giáo viên trường Mầm non N, 01 số hóa đơn bán hàng:

- Tháng 5/2018 Trường Mầm non N tổ chức in giấy khen cho học sinh, Biên nhận làm và được Hoàng Thị V - Hiệu trưởng đồng ý, B đưa cho Nguyễn Văn T, sinh năm 1987, trú tại tổ dân phố B, thị trấn N, huyện N là chồng của B thực hiện nhưng không có hóa đơn. Khi làm thủ tục thanh quyết toán B liên hệ và thỏa thuận với D mua hóa đơn của D với giá bằng 10% tổng số tiền ghi trên hóa đơn để làm

thủ tục thanh quyết toán, D đồng ý. Sau đó D bán cho 01 hóa đơn số 0094297, ghi ngày 22/5/2018, người mua hàng Mã Thị Cẩm V, tên đơn vị Trường Mầm non N, nội dung hàng hóa: in giấy khen, phiếu khen, giấy chứng nhận, phong bì túi cúc, số tiền ghi trên hóa đơn 3.886.000 đồng. Khi mua được hóa đơn B nhờ Mã Thị Cẩm V – Y tế kiêm văn thư, thủ quỹ của trường đến gặp D lấy hóa đơn và ghi tên, ký tên người mua hàng là Mã Thị Cẩm V hoàn thiện thủ tục thanh quyết toán và chuyển số tiền 3.886.000 đồng vào tài khoản của D. Sau khi nhận được tiền D giữ lại số tiền 396.000 đồng bằng 10% số tiền ghi trên hóa đơn, số tiền còn lại 3.490.000 đồng D chuyển vào tài khoản và Hứa Thị B đã rút ra chi trả tiền mua phôi giấy khen, giấy chứng nhận.

5. Bán cho Trần Hoàng L1, sinh năm 1996, trú tại Tiểu khu P, thị trấn V, huyện N, 01 số hóa đơn bán hàng:

- Cuối năm 2018 Ủy ban nhân dân xã V (nay là thị trấn V), huyện N sửa chữa lắp đặt phòng truyền thanh tại tầng 2 của trụ sở. Ông Hoàng Văn V - khi đó là Chủ tịch UBND xã V liên hệ với L1 thi công lắp đặt vách nhôm, kính phòng truyền thanh tại tầng 2 của trụ sở, di chuyển điều hòa, L1 trực tiếp thi công thực hiện nhưng không có hóa đơn. Sau khi thi công xong ông V giao cho Bé Thị Q, khi đó là Công chức văn hóa thông tin của UBND xã V làm chứng từ thanh toán. Để có hóa đơn cho UBND xã V, L1 liên hệ với Nông Văn D và thỏa thuận mua hóa đơn của D với giá bằng 10% tổng số tiền ghi trên hóa đơn để làm thủ tục thanh quyết toán, D đồng ý. Sau đó L1 đưa thông tin cho D và được D bán 01 hóa đơn số 0098909, ghi ngày 28/8/2018, người mua hàng Bé Thị Q, tên đơn vị Ủy ban nhân dân xã V, nội dung hàng hóa: ngăn vách làm việc ở tầng 2, công di chuyển điều hòa, số tiền ghi trên hóa đơn 12.287.900 đồng. Khi mua được hóa đơn L1 đưa cho Bé Thị Q ký tên người mua hàng, hoàn thiện thủ tục thanh quyết toán và chuyển số tiền 12.287.000 đồng vào tài khoản của D. Sau khi nhận được tiền D giữ lại số tiền 1.200.000 đồng bằng 10% số tiền ghi trên hóa đơn, số tiền còn lại 11.087.000 đồng D trả lại cho L1.

6. Bán cho Đinh Thị L2, sinh năm 1987, trú tại Tiểu khu P, thị trấn V, huyện N – Chủ tịch Hội phụ nữ xã V, huyện N, 01 số hóa đơn bán hàng:

- Năm 2018 Hội phụ nữ và Hội nông dân xã V phối hợp tổ chức giải bóng chuyền hơi kỷ niệm ngày phụ nữ Việt Nam và thành lập Hội nông dân Việt Nam. Ông Cương Xuân D, sinh năm 1983, trú tại Tiểu Khu Đ, thị trấn V, huyện N, khi đó là Chủ tịch Hội nông dân xã V mua 01 cúp và 21 huy chương (không nhớ địa điểm mua hàng) trao cho các đội tham gia nhưng không có hóa đơn. Sau khi kết thúc giải, L2 với D thống nhất mua hóa đơn thực hiện thủ tục thanh quyết toán. L2 liên hệ với Nông Thị T4, sinh năm 1985 là vợ của Nông Văn D và thỏa thuận mua hóa đơn của D với giá bằng 10% tổng số tiền ghi trên hóa đơn để làm thủ tục thanh quyết toán, D đồng ý. Sau khi thống nhất với D, T4 trực tiếp bán 01 hóa đơn số 0097884, ghi ngày 30/10/2018, người mua hàng Đinh Thị L2, tên đơn vị Ủy ban nhân dân xã V, nội dung hàng hóa: cúp vàng, huy chương giao lưu bóng chuyền kỷ niệm ngày phụ nữ và ngày thành lập Hội nông dân Việt Nam, số tiền ghi trên hóa đơn 1.655.000 đồng. Khi mua được hóa đơn L2 hoàn thiện thủ tục thanh quyết

toán và đưa cho T4 tiền mặt 165.500 đồng bằng 10% số tiền ghi trên hóa đơn, số tiền còn lại 1.489.500 đồng trả lại cho D.

7. Bán cho Lương Thị H3, sinh năm 1994, trú tại Tiểu khu P, thị trấn V, huyện N – Kế toán Bưu điện huyện N, 02 số hóa đơn bán hàng:

- Năm 2019 Nguyễn Văn N - Hiện nay là Giám đốc Bưu điện huyện N liên hệ với Hoàng Thanh S, sinh năm 1989, trú tại Tiểu khu P, thị trấn V, huyện N làm vách ngăn kho, vách ngăn giao dịch trụ sở nhưng không có hóa đơn. Sau khi làm xong, N giao cho H3 làm chứng từ thanh toán. H3 liên hệ với Nông Thị T4 là vợ của Nông Văn D và thỏa thuận mua hóa đơn của D với giá bằng 10% tổng số tiền ghi trên hóa đơn, D đồng ý. Sau khi thống nhất với D, T4 trực tiếp bán cho 01 hóa đơn số 0041497, ghi ngày 20/7/2019, người mua hàng Nguyễn Văn N, tên đơn vị Bưu điện huyện N, nội dung hàng hóa: vách ngăn kho, vách ngăn giao dịch, số tiền ghi trên hóa đơn 17.400.000 đồng. Khi mua được hóa đơn H3 đưa cho N ký tên người mua hàng, hoàn thiện thủ tục thanh quyết toán và nhận tiền mặt 17.400.000 đồng và đưa cho T4 số tiền 1.740.000 đồng bằng 10% số tiền ghi trên hóa đơn, số tiền còn lại 15.660.000 đồng N thanh toán cho S.

- Năm 2021, Nguyễn Văn N - Hiện nay là Giám đốc Bưu điện huyện N liên hệ với Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1988, trú tại thôn N, xã H, huyện N làm cơ khí tại xưởng A để làm cổng Bưu điện văn hóa xã L nhưng không có hóa đơn. Sau khi làm xong, N giao cho H3 làm chứng từ thanh toán, H3 liên hệ với Nông Thị T4 là vợ của Nông Văn D và thỏa thuận mua hóa đơn của D với giá bằng 10% tổng số tiền ghi trên hóa đơn, D đồng ý. Sau khi thống nhất với D, T4 trực tiếp bán 01 hóa đơn số 0077396, ghi ngày 18/8/2021, người mua hàng Nguyễn Văn N, tên đơn vị Bưu điện huyện N, nội dung hàng hóa: Cánh cổng nhà văn hóa xã L, đường ray, bánh lùa, số tiền ghi trên hóa đơn 7.500.000 đồng. Khi mua được hóa đơn H3 đưa cho N ký tên người mua hàng, hoàn thiện thủ tục thanh quyết toán và nhận tiền mặt 7.500.000 đồng và đưa cho T4 số tiền 750.000 đồng bằng 10% số tiền ghi trên hóa đơn, số tiền còn lại 6.750.000 đồng N thanh toán cho Ng.

8. Bán cho Hứa Thị Minh H4, sinh năm 1977, trú tại Tiểu khu, thị trấn V, huyện N – Công chức địa chính xây dựng xã Đ, huyện N, 01 số hóa đơn bán hàng:

- Năm 2019 Ủy ban nhân dân xã Đ sử dụng nguồn vốn kết dư ngân sách để xây dựng nhà bảo vệ trụ sở Ủy ban nhân dân xã, nhà để xe cho cán bộ công chức xã, thống nhất giao cho Hứa Thị Minh H4 liên hệ với Hoàng Văn H sinh năm 1983, trú tại Tiểu k, thị trấn V, huyện N thi công thực hiện nhưng không có hóa đơn. Sau khi làm xong, H4 được giao làm chứng từ thanh toán, H4 liên hệ với Nông Thị T4 là vợ của Nông Văn D và thỏa thuận mua hóa đơn của D với giá bằng 10% tổng số tiền ghi trên hóa đơn, D đồng ý. Sau khi thống nhất với D, T4 trực tiếp bán 01 hóa đơn số 0007020, ghi ngày 28/11/2019, người mua hàng Hứa Thị Minh H4, tên đơn vị Ủy ban nhân dân xã Đ, nội dung hàng hóa: xây dựng nhà bảo vệ UBND xã, nhà để xe cho cán bộ công chức xã Đ, số tiền ghi trên hóa đơn 15.993.000 đồng. Khi mua được hóa đơn H4 hoàn thiện thủ tục thanh quyết toán và chuyển số tiền 15.993.000 đồng vào tài khoản của D và nói H liên hệ với D để nhận tiền thi công. Sau khi nhận được tiền D giữ lại số tiền 1.599.000 đồng bằng

10% số tiền ghi trên hóa đơn, số tiền còn lại 14.394.000 đồng D trả tiền mặt cho H.

9. Bán cho Nguyễn Thị H5, sinh năm 1977, trú tại xóm H, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên – Giáo viên tiếng anh Trường Trung học cơ sở V (từ 01/9/2020 chuyển công tác đến Trường THCS T, tỉnh Thái Nguyên), 01 số hóa đơn bán hàng:

- Tháng 01/2020 Trường Trung học cơ sở V tổ chức cho học sinh tham gia Hội khỏe Phù Đổng cấp huyện và phải chụp ảnh thẻ vận động viên, Nguyễn Thị H5 nhận làm và in ảnh tại cửa hàng ở thành phố Bắc Kạn nhưng không có hóa đơn. Khi làm thủ tục thanh toán H5 liên hệ và thỏa thuận với D mua hóa đơn của D với giá bằng 10% tổng số tiền ghi trên hóa đơn, D đồng ý. Sau đó D bán 01 hóa đơn số 0008220, ghi ngày 10/01/2020, người mua hàng Nguyễn Thị H5, tên đơn vị Trường Trung học cơ sở V, nội dung hàng hóa: in ảnh thẻ học sinh thi thể thao cấp huyện năm học 2019 - 2020, số tiền ghi trên hóa đơn 1.200.000 đồng. Khi mua được hóa đơn H5 trả cho D 120.000 đồng bằng 10% số tiền ghi trên hóa đơn, hoàn thiện thủ tục thanh quyết toán và chuyển số tiền 1.200.000 đồng vào tài khoản của D. Sau khi nhận được tiền D chuyển lại số tiền 1.200.000 đồng cho H5 trả tiền in ảnh.

10. Bán cho Đàm Thị T2, sinh năm 1986, trú tại Tiểu k, thị trấn V, huyện N – Nhân viên y tế kiêm văn thư, thủ quỹ Trường Mầm non Bằng Vân, 01 số hóa đơn bán hàng:

- Năm 2020 Trường Mầm non B thuê ông Hà Đức H, sinh năm 1985, trú tại Khu Chợ 1, xã B, huyện N làm một số thiết bị phục vụ học tập cho nhà trường nhưng không có hóa đơn. Ban giám hiệu nhà trường có bà Triệu Thị Th – Phó Hiệu trưởng phụ trách, Bé Kim D – Phó Hiệu trưởng thống nhất giao cho Đàm Thị T2 làm chứng từ thanh toán. T2 liên hệ với Nông Thị T4 là vợ của Nông Văn D và thỏa thuận mua hóa đơn của D với giá bằng 10% tổng số tiền ghi trên hóa đơn, D đồng ý. T2 cung cấp thông tin người mua hàng, sau khi thống nhất với D, T4 trực tiếp bán 01 hóa đơn số 0009424, ghi ngày 09/6/2020, người mua hàng Hoàng Thị L, tên đơn vị Trường Mầm non B, nội dung hàng hóa: giá treo hoa, cầu thang nhà bóng... , số tiền ghi trên hóa đơn 4.606.000 đồng. Khi mua được hóa đơn T2 chuyển cho Hoàng Thị L – Giáo viên nhà trường ký hóa đơn chứng từ, hoàn thiện thủ tục thanh quyết toán và chuyển số tiền 4.606.000 đồng vào tài khoản của D. Sau khi nhận được tiền D giữ lại 460.000 đồng bằng 10% số tiền ghi trên hóa đơn, chuyển lại số tiền 4.140.000 đồng vào tài khoản và T2 rút ra trả cho ông H.

11. Bán cho Phùng Thị T3, sinh năm 1986, trú tại Tổ dân phố N1, thị trấn N2, huyện N – nguyên kế toán trường Tiểu học N, huyện N, 01 số hóa đơn bán hàng:

- Tháng 7/2020 bà Phùng Thị T3 được giải quyết cho thôi việc theo nguyện vọng cá nhân, trong quá trình công tác bà T3 có đi lại giải quyết một số công việc cho nhà trường nhưng chưa được thanh toán, Ban giám hiệu nhà trường có bà Hoàng Triệu H0 – Hiệu trưởng, Chu Thị H – Phó Hiệu trưởng, Nông Thị M – Phó Hiệu trưởng đồng ý cho Hoàng Thị Q – Y tế kiêm văn thư, thủ quỹ nhà trường ký các chứng từ không có hàng hóa kèm theo để lấy tiền thanh toán một số khoản cho bà T3 chưa được thanh toán khi thôi việc. T3 liên hệ với D và thỏa thuận mua hóa

đơn của D với giá bằng 10% tổng số tiền ghi trên hóa đơn, D đồng ý. Sau khi thống nhất với D, T4 trực tiếp bán 01 hóa đơn số 0091629, ghi ngày 31/7/2020, người mua hàng Hoàng Thị Q, tên đơn vị Trường tiểu học N, nội dung hàng hóa: cặp da, kẹp giấy, ghim cài, giấy in,..., số tiền ghi trên hóa đơn 3.000.000 đồng. Khi mua được hóa đơn T3 chuyển cho Q ký hóa đơn chứng từ, hoàn thiện thủ tục thanh quyết toán và chuyển số tiền 3.000.000 đồng vào tài khoản của D. Sau khi nhận được tiền D giữ lại 300.000 đồng bằng 10% số tiền ghi trên hóa đơn, chuyển lại số tiền 2.700.000 đồng vào tài khoản của T3.

12. Bán cho Lý Minh C, sinh năm 1981, trú tại Thôn B, xã Đ, huyện N – Lái xe Trung tâm văn hóa, thông tin và truyền thông huyện N, 01 số hóa đơn bán hàng:

- Năm 2021 Trung tâm văn hóa, thông tin và truyền thông huyện N sử dụng xe ô tô chuyên dụng của đơn vị để tuyên truyền lưu động phòng chống dịch bệnh Covid-19, luật nghĩa vụ quân sự đến các thôn, xã trên địa bàn huyện nên không đủ xăng. Ông C đã báo cáo và được ông Hoàng Đình B – Giám đốc Trung tâm đồng ý sử dụng Pano cũ để tuyên truyền, mua hóa đơn để quyết toán tiền in Panô lấy tiền bù vào tiền xăng xe đi đến các thôn tuyên truyền. C liên hệ với Nông Thị T4 là vợ của Nông Văn D và thỏa thuận mua hóa đơn của D với giá bằng 10% tổng số tiền ghi trên hóa đơn, D đồng ý. Sau khi thống nhất với D, T4 trực tiếp bán 01 hóa đơn số 0016874, ghi ngày 03/3/2021, người mua hàng Lý Minh C, tên đơn vị Trung tâm văn hóa, thông tin và truyền thông huyện N, nội dung hàng hóa: Pa nô tuyên truyền trên xe lưu động dịch bệnh Covid-19,... số tiền ghi trên hóa đơn 3.600.000 đồng. Khi mua được hóa đơn hoàn thiện thủ tục thanh quyết toán và chuyển số tiền 3.600.000 đồng vào tài khoản của D. Sau khi nhận được tiền D giữ lại 360.000 đồng bằng 10% số tiền ghi trên hóa đơn, chuyển lại số tiền 3.240.000 đồng vào tài khoản và C rút ra trả tiền xăng xe đi đến các thôn tuyên truyền.

13. Bán cho Hoàng Gia T3, sinh năm 1964, trú tại Tiểu k, thị trấn V, huyện N – Phó Giám đốc Trung tâm Chính trị huyện N, 05 số hóa đơn bán hàng:

- Số 0079961, ghi ngày 29/10/2021, người mua hàng Hoàng Gia T3, tên đơn vị Trung tâm Chính trị huyện N, nội dung hàng hóa: bút bi, vở, cặp cốc,... số tiền ghi trên hóa đơn 960.000 đồng. Thực tế ông T3 mua tại cửa hàng tạp hóa trên địa bàn huyện, trả bằng tiền mặt nhưng không có hóa đơn. Tiền mặt trả cho D 96.000 đồng bằng 10% số tiền ghi trên hóa đơn, trả cho nơi mua thực tế 864.000 đồng.

- Số 0016882, ghi ngày 18/3/2021, người mua hàng Hoàng Gia T3, tên đơn vị Trung tâm Chính trị huyện N, nội dung hàng hóa: in giấy chứng nhận lớp bồi dưỡng thanh niên lên đường nhập ngũ, nước uống la vi,... số tiền ghi trên hóa đơn 800.000 đồng. Trong đó số tiền thực tế mua hàng của D 620.000 đồng, số tiền ghi thêm 180.000 đồng (nước uống lavie). Thực tế ông T3 mua tại cửa hàng tạp hóa trên địa bàn huyện, trả bằng tiền mặt nhưng không có hóa đơn, trả cho D 18.000 đồng bằng 10% số tiền ghi thêm trên hóa đơn. Khi mua được hóa đơn hoàn thiện thủ tục thanh quyết toán và chuyển số tiền 800.000 đồng vào tài khoản của D, số tiền 162.000 đồng D trả lại ông T3.

- Số 0018589, ghi ngày 24/4/2021, người mua hàng Hoàng Gia T3, tên đơn vị Trung tâm Chính trị huyện N, nội dung hàng hóa: in chứng chỉ đối tượng kết nạp

đảng, nước uống la vi, trà chanh, số tiền ghi trên hóa đơn 1.560.000 đồng. Trong đó số tiền thực tế mua hàng của D 1.200.000 đồng, số tiền ghi thêm 360.000 đồng (nước uống la vi, trà chanh). Thực tế ông T3 mua tại cửa hàng tạp hóa trên địa bàn huyện, trả bằng tiền mặt nhưng không có hóa đơn, trả cho D 36.000 đồng bằng 10% số tiền ghi thêm trên hóa đơn. Khi mua được hóa đơn hoàn thiện thủ tục thanh quyết toán và chuyển số tiền 1.560.000 đồng vào tài khoản của D, số tiền 324.000 đồng D trả lại ông T3.

- Số 0077374, ghi ngày 14/7/2021, người mua hàng Hoàng Gia T3, tên đơn vị Trung tâm Chính trị huyện N, nội dung hàng hóa: in giấy chứng nhận, nước uống la vi, trà chanh, cà phê, số tiền ghi trên hóa đơn 1.770.000 đồng. Trong đó số tiền thực tế mua hàng của D 1.180.000 đồng, số tiền ghi thêm 590.000 đồng (nước uống la vi, trà chanh, cà phê). Thực tế ông T3 mua tại cửa hàng tạp hóa trên địa bàn huyện, trả bằng tiền mặt nhưng không có hóa đơn, trả cho D 59.000 đồng bằng 10% số tiền ghi thêm trên hóa đơn. Khi mua được hóa đơn hoàn thiện thủ tục thanh quyết toán và chuyển số tiền 1.770.000 đồng vào tài khoản của D, số tiền 531.000 đồng D trả lại ông T3.

- Số 0018590, ghi ngày 21/4/2021, người mua hàng Hoàng Gia T3, tên đơn vị Trung tâm Chính trị huyện N, nội dung hàng hóa: lớp bồi dưỡng tập huấn hội nông dân nước la vi, trà chanh, cà phê, số tiền ghi trên hóa đơn 380.000 đồng. Thực tế ông T3 mua tại cửa hàng tạp hóa trên địa bàn huyện, trả bằng tiền mặt nhưng không có hóa đơn, trả cho D 38.000 đồng bằng 10% số tiền ghi trên hóa đơn, số tiền trả cho nơi mua thực tế 342.000 đồng. Khi mua được hóa đơn hoàn thiện thủ tục thanh quyết toán và chuyển số tiền 380.000 đồng vào tài khoản của D, số tiền 380.000 đồng D trả lại ông T3.

Quá trình điều tra đối với Nông Văn D xác định: từ năm 2018 đến năm 2021 D bán trái phép 20 (hai mươi) số hóa đơn bán hàng đã ghi nội dung của Hộ kinh doanh Nông Văn D với tổng số tiền (ghi trên hóa đơn liên 2) là 99.627.000 đồng, tiền bán hóa đơn mức 10% trên mỗi hóa đơn có nội dung nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo tương đương với số tiền 9.927.500 đồng, D nộp số tiền thuế phát sinh trên hóa đơn hàng tháng bằng 4,5% tổng số tiền ghi trên hóa đơn (trong đó: 3% thuế giá trị gia tăng thông thường và 1,5% thuế thu nhập cá nhân) với Chi cục thuế khu vực B- N – P tương ứng với số tiền 3.214.530 đồng. Tổng số tiền D thu lợi bất chính từ việc bán 20 số hóa đơn nêu trên là 6.712.470 đồng.

Chi cục thuế khu vực B - N - P xác nhận: Hộ kinh doanh Nông Văn D kê khai nộp thuế theo hình thức thuế khoán, từ tháng 01/2022 đăng ký theo hình thức kê khai thuế, người đến kê khai nộp thuế là Nông Văn D, kê khai nộp thuế đầy đủ, đến thời điểm xác minh ngày 06/10/2022 D không nợ thuế.

Quá trình điều tra xác định ngoài hành vi mua bán trái phép hóa đơn, trong các năm 2018, 2019 hộ kinh doanh Nông Văn D còn có hành vi ghi số tiền trên hóa đơn liên 1, liên 3 thấp hơn số tiền ghi trên hóa đơn bán hàng liên 2 giao cho người mua hàng, mục đích giảm số tiền thuế D phải nộp cho nhà nước đối với 23 số hóa đơn bán hàng xuất ra cho người mua hàng (trong đó có 03 số hóa đơn đã bán trái phép nêu trên). Ngày 08/10/2023 Cơ quan điều tra có công văn số 258/CSĐT-HS-

KT-MT đề nghị Chi cục thuế khu vực B - N - P xác định số thuế hộ kinh doanh Nông Văn D phải nộp đối với 23 số hóa đơn ghi số tiền trên liên 1, liên 3 thấp hơn số tiền ghi trên liên 2. Tại Công văn số 625/CCTKV-NVQLT ngày 19/10/2023 xác định tổng số thuế đã nộp theo liên 1, liên 3 là 1.733.670 đồng, tổng số thuế phải nộp theo liên 2 là 12.192.994 đồng, số thuế chênh lệch còn phải nộp là 11.955.950 đồng (trong đó: thuế giá trị gia tăng là 7.973.566 đồng, thuế thu nhập cá nhân là 3.982.384). Như vậy, trong các năm 2018, 2019 Nông Văn D có hành vi ghi giá trị trên hóa đơn bán hàng thực hiện nghĩa vụ thuế thấp hơn giá trị thanh toán thực tế của hàng hóa, dịch vụ đã bán, xác định đây là hành vi trốn thuế, với tổng số tiền trốn thuế là 11.955.950 đồng. Xác minh nhân thân, Nông Văn D chưa có tiền án, tiền sự, chưa bị xử phạt hành chính về hành vi trốn thuế, chưa bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại Điều 200 Bộ luật hình sự, do đó, hành vi trốn thuế của D chưa đủ yếu tố cấu thành tội Trốn thuế theo quy định tại Điều 200 Bộ luật hình sự.

Tại bản kết luận giám định số 165/KL-KTHS ngày 19/5/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn, kết luận:

- Chữ viết, chữ ký dưới mục “Người bán hàng” trên các hóa đơn bán hàng mẫu cần giám định liên 1 (ký hiệu A2, A8, A9); liên 2 (ký hiệu A13, A14, A15, A16, A17, A18) với chữ ký, chữ viết mẫu so sánh của ông Nông Văn D trên bản tự khai ngày 31/3/2023 là do cùng một người viết, ký ra; Chữ ký, chữ viết dưới mục "Người bán hàng" trên các hóa đơn bán hàng mẫu cần giám định liên 1 (ký hiệu A4, A5, A6, A7) với chữ ký mẫu so sánh của ông Nông Văn D trên bản tự khai ngày 31/3/2023 không phải là do cùng một người ký, viết ra; Chữ viết dưới mục "Người bán hàng" trên các hóa đơn bán hàng mẫu cần giám định: liên 1 (ký hiệu A1); liên 2 (ký hiệu A12, A19, A20) với chữ viết mẫu so sánh của ông Nông Văn D trên bản tự khai ngày 31/3/2023 không phải do cùng một người viết ra; Chữ ký tên "D" (chữ ký đọc được) dưới mục “Người bán hàng” trên các hóa đơn bán hàng mẫu cần giám định: liên 1 (ký hiệu A1); liên 2 (ký hiệu A12, A19, A20) với chữ ký mẫu so sánh của ông Nông Văn D trên bản tự khai ngày 31/3/2023 không đồng dạng nên không tiến hành giám định; Chữ ký dưới mục "Người bán hàng" trên các hóa đơn bán hàng mẫu cần giám định: liên 1 (ký hiệu A1, A2, A4, A5, A6, A7, A8, A9); liên 2 (ký hiệu A12, A13, A14, A15, A16, A17, A18, A19, A20) với chữ ký mẫu so sánh của bà Nông Thị T4 trên bản tường trình ngày 17/12/2022 không đồng dạng nên không tiến hành giám định; Dưới mục "Người bán hàng" mẫu cần giám định: liên 1 (ký hiệu A3); liên 2 (ký hiệu A10, A11) không có chữ ký, chữ viết nên không tiến hành giám định.

- Chữ viết trên hóa đơn bán hàng mẫu cần giám định: liên 1 (ký hiệu A4, A5, A8); liên 2 (ký hiệu A14, A15, A18) với chữ viết mẫu so sánh của ông Nông Văn D trên bản tự khai ngày 31/3/2023 là do cùng một người viết ra; Chữ viết trên các hóa đơn bán hàng mẫu cần giám định: liên 1 (ký hiệu A1, A2, A3, A6, A7, A9; A10); liên 2 (ký hiệu A11, A12; A13; A16; A17; A19; A20) với chữ viết mẫu so sánh của ông Nông Văn D trên bản tự khai ngày 31/3/2023 không phải do cùng một người viết ra; Chữ viết trên các hóa đơn bán hàng mẫu cần giám định: liên 1 (ký hiệu A4, A5, A8); liên 2 (ký hiệu A14, A15, A18) với chữ viết mẫu so sánh

của bà Nông Thị T4 trên bản tường trình ngày 17/12/2022 không phải do cùng một người viết ra; Chữ viết trên các hóa đơn bán hàng mẫu cần giám định: liên 1 (ký hiệu A1, A2, A3, A6, A7, A9, A10); liên 2 (ký hiệu A11, A12, A13, A16, A17, A19, và 20) với chữ viết mẫu so sánh của bà Nông Thị T4 trên bản tường trình ngày 17/12/2022 là do cùng một người viết ra.

Tại bản kết luận giám định số 166/KL-KTHS ngày 19/5/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn, kết luận: Chữ viết trên hóa đơn bán hàng liên 1 mẫu cần giám định (ký hiệu : A3; A4, A5) và liên 2 (ký hiệu: A13; A14; A15) (trừ chữ ký, chữ viết dưới mục "Người mua hàng" và "Người bán hàng") với chữ viết của Nông Văn D trên mẫu so sánh bản tự khai ngày 31/3/2023 là do cùng một người viết ra; Chữ viết trên mẫu cần giám định liên 1 (ký hiệu: A1; A2; A6; A7 và liên 2 (ký hiệu : A9; A10; A11; A12; A16; A17) với chữ viết của Nông Thị T4 trên mẫu so sánh bản tường trình ngày 17/12/2022 là do cùng một người viết ra; Chữ viết trên mẫu cần giám định liên 1 (ký hiệu A8) và liên 2 (ký hiệu A18) (trừ chữ viết dưới mục “Người bán hàng” và “Người mua hàng”) với chữ viết trên mẫu so sánh của Nông Văn D bản tự khai ngày 31/3/2023 và Nông Thị T4 bản tường trình ngày 17/12/2022 không phải do cùng một người viết ra; Chữ ký dưới mục "Người bán hàng" trên các hóa đơn bán hàng liên 1; liên 2 mẫu cần giám định (ký hiệu: A3; A4; A10; A11; A13 ; A14 ; A15; A18) với chữ ký của Nông Văn D trên mẫu so sánh bản tự khai ngày 31/3/2023 là do cùng một người ký ra; Chữ ký "D" (chữ ký đọc được) dưới mục "Người bán hàng" trên mẫu cần giám định (ký hiệu: A9; A12; A16; A17) với chữ ký của Nông Văn D (chữ ký không đọc được) trên mẫu so sánh bản tự khai ngày 31/3/2023 do không đồng dạng nên không tiến hành giám định.

Quá trình điều tra, truy tố Nông Văn D đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, D là người trực tiếp thực hiện mọi hoạt động kinh doanh, quản lý con dấu, hóa đơn của Cơ sở in và làm biển quảng cáo Q, có một số lần người mua hàng liên hệ hỏi mua hóa đơn với T4 hoặc liên hệ với D nhưng D bận việc thì đều được sự nhất trí của D trước khi bán các hóa đơn, trong các số hóa đơn đã bán có 06 số hóa đơn Thảo hộ D viết nội dung trên hóa đơn xuất cho người mua hàng nhưng không có hàng hóa dịch vụ kèm theo.

Tại bản cáo trạng số 40/CT-VKS-NS, ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Nông Văn D về tội: “*Mua bán trái phép hóa đơn*” theo khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nông Văn D phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*”. Đề nghị xử lý bị cáo như sau:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 203; Điều 38; Điều 35; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Giao bị cáo cho UBND thị trấn V, huyện N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng trong vụ án: Áp dụng Điều 106 BLTTHS, Điều 47 Bộ luật hình sự, lưu theo hồ sơ vụ án: 40 số hóa đơn bán hàng ghi nội dung nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo D đã bán trái phép và hóa đơn trốn thuế cùng các chứng từ liên quan; số phụ tài khoản số 8604205018535 của Nông Văn D ngày phát sinh trước 31/12/2017, số dư cuối ngày 30/6/2022 và số 8604205015674 của Nông Thị T4, ngày phát sinh trước 31/12/2017, số dư cuối ngày 25/9/2022 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện N; 25 quyển hóa đơn bán hàng của hộ kinh doanh Nông Văn D.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 6.712.470 đồng thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo khai nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố. Bị cáo nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên; Bị cáo cho rằng mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo là cao, bị cáo không bào chữa hay khiếu nại gì. Lời sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng (12 người đã có đơn xin xét xử vắng mặt, 02 người không có lý do). Bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Xét thấy những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt

Tại phiên tòa, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định:

Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2021, lợi dụng việc bản thân được cấp phép hoạt động hộ kinh doanh, Nông Văn D đã có hành vi bán trái phép 20 số hóa đơn đã ghi nội dung nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo cho các cá nhân, đơn vị trên địa bàn huyện N. Cụ thể: Bán trái phép 20 số hóa đơn với tổng số tiền ghi trên hóa đơn 99.627.000 đồng (chín mươi chín triệu sáu trăm hai

bảy nghìn đồng). Thu tiền bán hóa đơn với mức 10% trên mỗi hóa đơn, tương ứng với số tiền là 9.927.000 (chín triệu chín trăm hai bảy nghìn đồng). Sau khi nộp tiền thuế phát sinh trên hóa đơn, D thu lợi bất chính số tiền là: 6.712.470 đồng (sáu triệu bảy trăm mười hai nghìn bốn trăm bảy mươi đồng).

Hành vi nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật hình sự.

Điều luật có nội dung:

“ 1. Người nào in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước ở dạng phôi từ 50 số đến dưới 100 số hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 10 số đến dưới 30 số hoặc thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm ...”

[3] Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức việc mua bán trái phép hóa đơn không kèm theo hàng hóa để thu lợi bất chính là xâm phạm hoạt động quản lý tài chính của Nhà nước nhưng vì vụ lợi đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Với số lượng hóa đơn giá trị gia tăng mà bị cáo đã bán trái phép 20 số hóa đơn đã ghi nội dung (từ 10 đến dưới 30 số), đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép hoá đơn theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính; làm giảm thu ngân sách Nhà nước, gây mất trật tự trị an nên cần quyết định hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trước phiên tòa, bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 6.748.770 đồng để khắc phục hậu quả. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo phạm tội xâm phạm đến lĩnh vực tài chính lần đầu. Hiện nay chính sách pháp luật của Nhà nước đối với các tội phạm về kinh tế có xu hướng tăng cường phạt tiền để nhằm thu lại khoản tiền bị

cáo đã gây thất thoát cho Nhà nước, cụ thể tại khoản 1, khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” đều có quy định phạt tiền là hình phạt chính. Xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có ý thức sửa chữa sai lầm, có đủ điều kiện về kinh tế để thi hành hình phạt tiền, không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, có thể áp dụng phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Hình sự là đủ tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Xét đề nghị mức hình phạt của Kiểm sát viên đưa ra đối với bị cáo là không cần thiết áp dụng với hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính. Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý tiền thu lợi bất chính và xử lý vật chứng trong vụ án

- 40 số hóa đơn bán hàng ghi nội dung nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo D đã bán trái phép và hóa đơn trốn thuế cùng các chứng từ liên quan; số phụ tài khoản số 8604205018535 của Nông Văn D ngày phát sinh trước 31/12/2017, số dư cuối ngày 30/6/2022 và số 8604205015674 của Nông Thị T4, ngày phát sinh trước 31/12/2017, số dư cuối ngày 25/9/2022 mở tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện N; 25 quyển hóa đơn bán hàng đã thu thập được. Những vật chứng này là chứng cứ cần được lưu theo hồ sơ vụ án.

- Số tiền 6.712.470 đồng (sáu triệu bảy trăm mười hai nghìn bốn trăm bảy mươi đồng) do bị cáo thu lợi bất chính cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[7] Các vấn đề liên quan trong vụ án:

- Đối với Nông Thị T4 (vợ Nông Văn D), trú tại Tiểu khu P, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn: Quá trình điều tra xác định khi viết hóa đơn bán hàng nhưng không có hàng hóa dịch vụ kèm theo cho người mua hàng thay D, T4 chỉ thực hiện viết những nội dung đã thống nhất với D và được sự đồng ý của D, xác định có 06 số hóa đơn bán hàng T4 viết thay D. Hành vi của T4 dưới mức định lượng nên không đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại Khoản 1 Điều 203 Bộ luật hình sự, cơ quan điều tra đề nghị Chi cục Thuế khu vực B - N - P xem xét xử lý theo thẩm quyền là đúng quy định.

- Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn và cá nhân liên quan: Quá trình điều tra xác định năm 2018, 2019 Ủy ban nhân dân xã V (nay là thị trấn V) có mua hàng hóa, thi công vách ngăn, mua hàng hóa phục vụ công tác dân quân tại các cửa hàng trong huyện N cho các hoạt động của đơn vị nhưng không có hóa đơn, nên không có chứng từ để thanh toán tiền ngân sách nhà nước. Để có chứng từ quyết toán các khoản đã mua và thi công này, Ủy ban nhân dân xã mua trái phép 04 số hóa đơn của Hộ kinh doanh Nông Văn D. Kết quả điều tra xác định toàn bộ số tiền đã quyết toán được sử dụng đúng mục đích chi trả tiền mua hàng hóa phục vụ các hoạt động của đơn vị cho Vũ Đức N, Hoàng Văn H và các cửa hàng. Do đó Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng quy định. Đối với hành vi mua 04

hóa đơn trái phép của Doanh Đức H1, Đinh Thị L2, Hoàng Trần L và các cá nhân thuộc Ủy ban nhân dân thị trấn V không đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại Điều 203 Bộ luật hình sự, Cơ quan điều tra đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức có liên quan là đúng quy định.

- Bưu điện huyện N và cá nhân liên quan: Quá trình điều tra xác định, năm 2019 và năm 2021 Bưu điện huyện N có thi công vách ngăn và lắp cổng của đơn vị nhưng không có hóa đơn nên không có chứng từ để thanh toán tiền ngân sách nhà nước. Để có chứng từ quyết toán các khoản đã thi công này Bưu điện huyện N đã mua trái phép 02 số hóa đơn của Hộ kinh doanh Nông Văn D, tổng số tiền quyết toán là 24.900.000 đồng. Kết quả điều tra xác định toàn bộ số tiền 24.900.000 đồng được Bưu điện sử dụng đúng mục đích chi tiền phục vụ hoạt động của đơn vị cho Hoàng Thanh S và người thi công thực tế. Do đó Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng quy định. Đối với hành vi mua 02 hóa đơn trái phép của Lương Thị H3 và các cá nhân Bưu điện huyện N không đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại Điều 203 Bộ luật hình sự, Cơ quan điều tra đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, viên chức có liên quan là đúng quy định.

- Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N và các cá nhân liên quan: Quá trình điều tra xác định năm 2019, UBND xã Đ có thi công xây dựng nhà bảo vệ, nhà để xe cho cán bộ công chức xã Đ nhưng không có hóa đơn nên không có chứng từ để thanh toán tiền ngân sách nhà nước. Để có chứng từ quyết toán các khoản thi công này Ủy ban nhân dân xã Đ đã mua trái phép 01 số hóa đơn của Hộ kinh doanh Nông Văn D, tổng số tiền quyết toán là 15.993.000 đồng. Kết quả điều tra xác định toàn bộ số tiền 15.993.000 đồng được sử dụng đúng mục đích chi trả tiền xây dựng nhà bảo vệ, nhà để xe của đơn vị cho Hoàng Văn H là người thực tế thi công. Do đó Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng quy định. Đối với hành vi mua 01 hóa đơn trái phép của Hứa Thị Minh H4 và các cá nhân thuộc Ủy ban nhân dân xã Đ không đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại Điều 203 Bộ luật hình sự, Cơ quan điều tra đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức có liên quan là đúng quy định.

- Đối với Trường Mầm non B, huyện N và các cá nhân liên quan: Quá trình điều tra xác định năm 2020, Trường Mầm non B có thi công làm giá treo hoa, cầu thang nhà bóng cho học sinh nhà trường nhưng không có hóa đơn nên không có chứng từ để thanh toán tiền ngân sách nhà nước. Để có chứng từ quyết toán các khoản thi công này nhà trường đã mua trái phép 01 số hóa đơn của Hộ kinh doanh Nông Văn D, tổng số tiền quyết toán là 4.606.000 đồng. Kết quả điều tra xác định toàn bộ số tiền 4.606.000 đồng được nhà trường sử dụng đúng mục đích chi trả tiền phục vụ hoạt động của đơn vị cho Hà Đức H là người thực tế thi công. Do đó Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng quy định. Đối với hành vi mua 01 hóa đơn trái phép của Đàm Thị T2 và các cá nhân thuộc Trường Mầm non B không đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại Điều 203 Bộ luật hình sự, Cơ quan điều tra đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức có liên quan là đúng quy định.

- Đối với Trường Mầm non T, huyện N và các cá nhân liên quan: Quá trình điều tra xác định năm 2020 nhà trường có thi công tháo, lắp di chuyển nhà kho để lấy mặt bằng xây dựng lớp học của đơn vị nhưng không có hóa đơn nên không có chứng từ để thanh toán tiền ngân sách nhà nước. Để có chứng từ quyết toán các khoản thi công này nhà trường đã mua trái phép 02 số hóa đơn của Hộ kinh doanh Nông Văn D, tổng số tiền quyết toán là 11.356.000 đồng. Kết quả điều tra xác định toàn bộ số tiền 11.356.000 đồng được nhà trường sử dụng đúng mục đích chi trả tiền tháo, lắp di chuyển nhà kho của đơn vị cho Hà Đức H là người thực tế thi công. Do đó Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng quy định. Đối với hành vi mua 02 hóa đơn trái phép của Doanh Thiêm H2 và các cá nhân thuộc Trường Mầm non T không đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại Điều 203 Bộ luật hình sự, Cơ quan điều tra đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, viên chức có liên quan là đúng quy định.

- Đối với Trường Mầm non N, huyện N và các cá nhân liên quan: quá trình điều tra xác định tháng 5/2018 Trường mầm non N có in giấy khen cho nhà trường nhưng không có hóa đơn nên không có chứng từ để thanh toán tiền ngân sách nhà nước. Để có chứng từ quyết toán các khoản in giấy khen này nhà trường đã mua trái phép 01 số hóa đơn của Hộ kinh doanh Nông Văn D, tổng số tiền quyết toán là 3.886.000 đồng. Kết quả điều tra xác định toàn bộ số tiền 3.886.000 đồng được nhà trường sử dụng đúng mục đích thực tế chi trả tiền in giấy khen của đơn vị. Do đó Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng quy định. Đối với hành vi mua 01 hóa đơn trái phép của Hứa Thị B và các cá nhân thuộc Trường Mầm non N không đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại Điều 203 Bộ luật hình sự, Cơ quan điều tra đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, viên chức có liên quan là đúng quy định.

- Đối với Trường Mầm Non T, huyện N và các cá nhân liên quan: quá trình điều tra xác định năm 2020 Trường Mầm Non T có sửa chữa, láng lại nền bếp và láng nền sân nhưng không có hóa đơn nên không có chứng từ để thanh toán tiền ngân sách nhà nước. Để có chứng từ quyết toán các khoản này nhà trường đã mua trái phép 01 số hóa đơn của Hộ kinh doanh Nông Văn D, tổng số tiền quyết toán là 9.900.000 đồng. Kết quả điều tra xác định toàn bộ số tiền 9.900.000 đồng được nhà trường sử dụng đúng mục đích chi trả tiền thi công, sửa chữa cho Hoàng Văn P là người thực tế thi công cho đơn vị. Do đó Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng quy định. Đối với hành vi mua 01 hóa đơn trái phép của Hoàng Thị T1 và các cá nhân thuộc Trường Mầm non T không đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại Điều 203 Bộ luật hình sự, Cơ quan điều tra đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, viên chức có liên quan là đúng quy định.

- Đối với Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện N và các cá nhân liên quan: Quá trình điều tra xác định năm 2021 Trung tâm bồi dưỡng chính trị có mua nước uống, văn phòng phẩm cho các lớp bồi dưỡng đối tượng kết đảng, lớp đảng viên mới, bồi dưỡng lý luận chính trị và nghiệp vụ chuyên môn của Trung tâm tại các cửa hàng tạp hóa trên địa bàn huyện nhưng không có hóa đơn nên không có chứng từ để thanh toán tiền ngân sách nhà nước. Để có chứng từ quyết toán các khoản đã

mua này Trung tâm đã mua trái phép 05 số hóa đơn của Hộ kinh doanh Nông Văn D, tổng số tiền quyết toán là 5.470.000 đồng. Kết quả điều tra xác định toàn bộ số tiền 5.470.000 đồng được Trung tâm sử dụng đúng mục đích thực tế chi trả tiền mua hàng hóa. Do đó Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng quy định. Đối với hành vi mua 05 hóa đơn trái phép của Hoàng Gia T3 và các cá nhân thuộc không đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại Điều 203 Bộ luật hình sự, Cơ quan điều tra đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức có liên quan là đúng quy định.

- Trường Trung học cơ sở V, huyện N và các cá nhân liên quan: Quá trình điều tra xác định năm 2020 Trường Trung học cơ sở V có chụp ảnh thẻ cho học sinh tham gia Hội khỏe phù đồng của huyện nhưng không có hóa đơn nên không có chứng từ để thanh toán tiền ngân sách nhà nước. Để có chứng từ quyết toán khoản tiền chụp ảnh này nhà trường đã mua trái phép 01 số hóa đơn của Hộ kinh doanh Nông Văn D, tổng số tiền quyết toán là 1.200.000 đồng. Kết quả điều tra xác định toàn bộ số tiền 1.200.000 đồng được nhà trường sử dụng đúng mục đích thực tế chi trả tiền chụp ảnh thẻ của đơn vị. Do đó Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng quy định. Đối với hành vi mua 01 hóa đơn trái phép của Nguyễn Thị H4 và các cá nhân thuộc Trường Trung học cơ sở V không đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại Điều 203 Bộ luật hình sự, Cơ quan điều tra đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, viên chức có liên quan là đúng quy định.

- Trường Tiểu học N, huyện N và các cá nhân liên quan: Quá trình điều tra xác định năm 2020 Trường Tiểu học N có cán bộ kế toán của nhà trường là Phùng Thị T3 xin thôi việc, đề xuất cho thanh toán tiền công tác phí trong thời gian công tác phải đi lại để giải quyết công việc của trường, nhưng không có hóa đơn nên không có chứng từ để thanh toán tiền ngân sách nhà nước. Để có chứng từ quyết toán khoản tiền công tác phí này nhà trường đã mua trái phép 01 số hóa đơn của Hộ kinh doanh Nông Văn D, tổng số tiền quyết toán là 3.000.000 đồng, trên hóa đơn ghi mua văn phòng phẩm để hợp thức hóa khoản tiền công tác phí của bà T3. Kết quả điều tra xác định toàn bộ số tiền 3.000.000 đồng được nhà trường sử dụng nhưng không đúng mục đích theo các hóa đơn, chứng từ đã thanh quyết toán. Cơ quan điều tra đề nghị truy thu nộp lại ngân sách nhà nước số tiền 3.000.000 đồng đối với Trường Tiểu học N.

Đối với hành vi mua 01 hóa đơn trái phép của Phùng Thị T3 và các cá nhân thuộc Trường Tiểu học Nà Phặc không đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại Điều 203 Bộ luật hình sự, Cơ quan điều tra đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, viên chức có liên quan là đúng quy định.

- Trung tâm văn hóa, thông tin và truyền thông huyện N: Quá trình điều tra xác định năm 2021 Trung tâm văn hóa, thông tin và truyền thông sử dụng xe ô tô chuyên dụng tuyên truyền, phòng chống dịch bệnh Covid19 đến các thôn, xã trên địa bàn huyện nên không đủ tiền xăng, không có hóa đơn nên không có chứng từ để thanh toán tiền ngân sách nhà nước. Để có chứng từ quyết toán khoản tiền xăng

cho xe ô tô Trung tâm đã mua trái phép 01 số hóa đơn của Hộ kinh doanh Nông Văn D, tổng số tiền quyết toán là 3.600.000 đồng, trên hóa đơn ghi in Pa nô tuyên tuyên, để lấy tiền bù vào tiền xăng xe. Kết quả điều tra xác định toàn bộ số tiền 3.600.000 đồng được trung tâm sử dụng nhưng không đúng mục đích theo các hóa đơn, chứng từ đã thanh quyết toán. Cơ quan điều tra đề nghị truy thu nộp lại ngân sách nhà nước số tiền 3.600.000 đồng đối với Trung tâm văn hóa, thông tin và truyền thông huyện N.

Đối với hành vi mua 01 hóa đơn trái phép của Lý Minh C và các cá nhân thuộc Trung tâm văn hóa, thông tin và truyền thông huyện N không đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại Điều 203 Bộ luật hình sự, Cơ quan điều tra đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, viên chức có liên quan là đúng quy định.

- Các cá nhân, cơ quan, tổ chức: Hoàng Trần L và cá nhân thuộc các đơn vị UBND thị trấn V, Buu điện huyện N, UBND xã Đ, Trường Mầm non B, Trường Mầm non T, Trường Mầm non N, Trường Mầm non T, Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện N, Trung tâm văn hóa, thông tin và truyền thông huyện N, Trường Trung học cơ sở V, Trường Tiểu học N không thực hiện đăng ký kê khai thuế, không làm phát sinh nghĩa vụ thuế. Các cá nhân, cơ quan, tổ chức này thực hiện hành vi vi phạm khi đang thi hành công vụ, nhiệm vụ và hành vi vi phạm đó thuộc công vụ, nhiệm vụ thì không bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn mà bị xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Đối với hành vi trốn thuế của Nông Văn D, qua điều tra xác định tổng số tiền trốn thuế là 11.955.950 đồng là dưới mức định lượng, D chưa có tiền án, tiền sự, chưa bị xử phạt hành chính về hành vi trốn thuế, chưa bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại Điều 200 Bộ luật hình sự, do đó, hành vi trốn thuế của D chưa đủ yếu tố cấu thành tội Trốn thuế, Cơ quan điều tra chuyển hồ sơ tài liệu có liên quan đề nghị Chi cục Thuế khu vực B - N - P xem xét xử lý theo thẩm quyền là đúng quy định

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nông Văn D phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 203, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Nông Văn D số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng trong vụ án: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

2.1. Lưu theo hồ sơ vụ án: 40 số hóa đơn bán hàng ghi nội dung nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo D đã bán trái phép và hóa đơn trốn thuế cùng các chứng từ liên quan; số phụ tài khoản số 8604205018535 của Nông Văn D ngày phát sinh trước 31/12/2017, số dư cuối ngày 30/6/2022 và số 8604205015674 của Nông Thị T4, ngày phát sinh trước 31/12/2017, số dư cuối ngày 25/9/2022 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện N; 25 quyển hóa đơn bán hàng của hộ kinh doanh Nông Văn D.

(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao nhận hồ sơ vụ án ngày 23/11/2023 giữa Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân huyện N)

2.2. Buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 6.712.470 đồng (sáu triệu bảy trăm mười hai nghìn bốn trăm bảy mươi đồng) để sung quỹ Nhà nước.

2.3. Tạm giữ số tiền 6.748.770đ (Sáu triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm bảy mươi đồng) Nông Văn D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001703, ngày 02/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười năm ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết bản án/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện;
- Cơ quan THAHS Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Út Lệ